

Số: /2024/QĐ-UBND Hưng Yên, ngày tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BYT ngày 31 tháng 5 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế;

Căn cứ Thông tư số 16/2019/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 205/TTr-STC ngày 18 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động, đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư), ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

2. Các đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an; các đơn vị thuộc trung ương quản lý đóng trên địa bàn tỉnh; doanh nghiệp nhà nước không thuộc đối tượng áp dụng tại Quyết định này.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

1. Thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, như sau:

a) Đối với cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn phòng Tỉnh ủy ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) tại cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy.

Văn phòng Huyện ủy ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) tại cơ quan tham mưu, giúp việc Huyện ủy và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Huyện ủy.

b) Các đơn vị dự toán cấp I cấp tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) của các cơ quan, đơn vị dự toán cấp dưới thuộc, trực thuộc đơn vị dự toán cấp I.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (chủng loại, số lượng) của các phòng, ban, ngành, đoàn thể cấp huyện; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc phạm vi quản lý.

2. Thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, lĩnh vực giáo dục như sau:

a) Sở Y tế xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng, ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này có trách nhiệm lấy ý kiến của Sở Tài chính trước khi ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng. Riêng máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các cơ quan, tổ chức, đơn vị lấy ý kiến của Sở Thông tin và Truyền thông trước khi lấy ý kiến của Sở Tài chính.

Điều 4. Quy định chuyên tiếp

1. Đối với các dự toán mua sắm đã được phê duyệt trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện các trình tự, thủ tục mua sắm theo tiêu chuẩn, định mức đã được quy định đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. Trong thời gian cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa quy định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng theo quy định tại Quyết định này mà cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu mua sắm máy móc, thiết bị chuyên dùng nhằm đảm bảo duy trì hoạt động thường xuyên tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thì tiếp tục thực hiện mua sắm theo tiêu chuẩn, định mức đã được quy định đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Sở Tài chính theo dõi việc triển khai thực hiện Quyết định này, đảm bảo việc trang bị máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị được thực hiện theo đúng quy định.

2. Chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024, các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 3 Quyết định này có trách nhiệm ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đảm bảo kịp thời theo đúng quy định.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025, các Quyết định sau đây hết hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) có giá mua từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản hoặc 01 hệ thống của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên;

b) Quyết định số 2190/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức một số máy móc, thiết bị chuyên dùng tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 2403/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

c) Quyết định số 1361/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hưng Yên;

d) Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế của các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc Sở Y tế tỉnh Hưng Yên;

đ) Quyết định số 1192/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng có giá mua từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

e) Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế của các đơn vị sự nghiệp y tế trực thuộc Sở Y tế tỉnh Hưng Yên;

g) Quyết định số 1841/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng cho Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh Hưng Yên của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;

h) Quyết định số 2669/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bổ sung tiêu chuẩn, định mức máy móc, thiết bị chuyên dùng cho Báo Hưng Yên;

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả trong quá trình quản lý, sử dụng và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về quyết định của mình.

4. Chánh Văn phòng Tỉnh ủy; Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chánh Văn phòng Huyện ủy, Thành ủy, Thị ủy; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Nguyễn Lê Huy